|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN****THÍ ĐIỂM BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN VỀ VÙNG KHÓ KHĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***……………………, ngày tháng năm 202….* |

**MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN**

**Mẫu ĐG-02**

**CHUYÊN NGÀNH NGOẠI KHOA THUỘC DỰ ÁN 585**

**I. Thông tin chung bác sỹ tham gia Dự án 585**

Họ và tên :……..……………………………………………………………….

Ngày sinh:………………………………………………………………………

Chuyên ngành:………………………………………………………………….

Tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa I năm:……………………………………………

Đơn vị công tác:

- Trước khi tham gia Dự án 585: (Khoa/phòng/ thuộc BV/TTYT……………..

…………………………………………………………………………………..

- Sau khi tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa cấp I Dự án 585: (Khoa/phòng/ thuộc BV/TTYT………………………………………………………………………..

Tỉnh: ………………………………(trước 01/7/2025 là tỉnh……………………)

Thời gian bắt đầu công tác tại đơn vị: …………………………………………….

**II. Các nội dung đánh giá**

**1. Mô tả hoạt động thường ngày (**Công việc chính ở khoa làm gì? Phối hợp với ai? Thời gian làm việc?Hỗ trợ đồng nghiệp?.....)

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**2. Đánh giá chung**

- Thời gian làm việc trung bình: ……/ngày

- Số buổi trực:…… buổi/tuần

- Số bệnh nhân được bác sỹ trẻ khám/ thực hiện thủ thuật hàng ngày: …….bệnh nhân

**3. Các nội dung bác sỹ trẻ tự đánh giá**: (đến thời điểm hiện tại)

**3.1. Về chuyên môn:** làm được………. kỹ thuật, trong đó:

- Chuyển giao cho đơn vị: …. kỹ thuật (được tính bằng tổng số kỹ thuật được thực hiện tại mục 3.1.1 bên dưới)

- Thực hiện tại đơn vị: …… kỹ thuật (được tính bằng tổng số kỹ thuật được thực hiện tại mục 3.1.1 và mục 3.1.2 bên dưới)

- Theo chương trình đào tạo Dự án 585: …… kỹ thuật (được tính bằng tổng số kỹ thuật được thực hiện tại mục 3.1.3 bên dưới)

**Chi tiết các kỹ thuật:**

**3.1.1. Các kỹ thuật Bác sỹ chuyển giao cho đơn vị sau khi tốt nghiệp BSCK cấp I**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**3.1.2 . Các kỹ thuật bác sỹ trẻ thực hiện được theo phân tuyến kỹ thuật**

|  **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất****(số ca/ngày****/tuần/tháng** | **Trong đó** | **Mức độ tự tin****(+/-)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | **A. Thần kinh ngoại biên** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật u thần kinh trên da |  |  |  |  |
|  | **B. Tim mạch- lồng ngực** |  |  |  |  |
|  | **1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vết thương tim |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi – màng phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động |  |  |  |  |
|  | Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản |  |  |  |  |
|  | **2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi |  |  |  |  |
|  | **3. Bệnh tim mắc phải** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật dẫn lưu dịch khoang màng tim |  |  |  |  |
|  | **4. Bệnh tim mạch máu** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật tạo thông động – tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo |  |  |  |  |
|  | **5. Lồng ngực** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt u thành ngực |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực |  |  |  |  |
|  | Mở ngực thăm dò, sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi |  |  |  |  |
|  | **C. Tiết niệu – sinh dục** |  |  |  |  |
|  | **1. Thận** |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận |  |  |  |  |
|  | **2. Bàng quang** |  |  |  |  |
|  | Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất |  |  |  |  |
|  | Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang |  |  |  |  |
|  | Lấy sỏi bàng quang |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu n­ước tiểu bàng quang |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu áp xe khoang Retzius |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu bàng quang đơn thuần |  |  |  |  |
|  | **3. Niệu đạo** |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nư­ớc tiểu |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt |  |  |  |  |
|  | **4. Sinh dục** |  |  |  |  |
|  | Nong niệu đạo |  |  |  |  |
|  | Cắt bỏ tinh hoàn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie) |  |  |  |  |
|  | Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài |  |  |  |  |
|  | Cắt hẹp bao quy đầu |  |  |  |  |
|  | Mở rộng lỗ sáo |  |  |  |  |
|  | Đặt tinh hoàn nhân tạo |  |  |  |  |
|  | **D. Tiêu hóa** |  |  |  |  |
|  | **1. Thực quản** |  |  |  |  |
|  | Mở ngực thăm dò |  |  |  |  |
|  | Mở ngực thăm dò, sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Mở thông dạ dày |  |  |  |  |
|  | **2. Dạ dày** |  |  |  |  |
|  | Mở bụng thăm dò |  |  |  |  |
|  | Mở bụng thăm dò, sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Nối vị tràng |  |  |  |  |
|  | Cắt dạ dày hình chêm |  |  |  |  |
|  | Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật Newmann  |  |  |  |  |
|  | **3. Tá tràng** |  |  |  |  |
|  | Cắt u tá tràng |  |  |  |  |
|  | Cắt màng ngăn tá tràng |  |  |  |  |
|  | **4. Ruột non- Mạc treo** |  |  |  |  |
|  | Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng |  |  |  |  |
|  | Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non |  |  |  |  |
|  | Cắt dây chằng, gỡ dính ruột |  |  |  |  |
|  | Tháo xoắn ruột non |  |  |  |  |
|  | Tháo lồng ruột non |  |  |  |  |
|  | Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng |  |  |  |  |
|  | Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,…) |  |  |  |  |
|  | Cắt ruột non hình chêm |  |  |  |  |
|  | Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông |  |  |  |  |
|  | Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài |  |  |  |  |
|  | Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue) |  |  |  |  |
|  | Cắt nhiều đoạn ruột non |  |  |  |  |
|  | Gỡ dính sau mổ lại |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng |  |  |  |  |
|  | Đóng mở thông ruột non |  |  |  |  |
|  | Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng |  |  |  |  |
|  | Nối tắt ruột non - ruột non |  |  |  |  |
|  | Cắt mạc nối lớn |  |  |  |  |
|  | Cắt bỏ u mạc nối lớn |  |  |  |  |
|  | Cắt u mạc treo ruột |  |  |  |  |
|  | **5. Ruột thừa- Đại tràng** |  |  |  |  |
|  | Cắt ruột thừa đơn thuần |  |  |  |  |
|  | Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng |  |  |  |  |
|  | Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu áp xe ruột thừa |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng |  |  |  |  |
|  | Làm hậu môn nhân tạo |  |  |  |  |
|  | **6. Trực tràng** |  |  |  |  |
|  | Làm hậu môn nhân tạo |  |  |  |  |
|  | Lấy dị vật trực tràng |  |  |  |  |
|  | **7. Tầng sinh môn** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ  |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản |  |  |  |  |
|  | Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)  |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome) |  |  |  |  |
|  | Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn |  |  |  |  |
|  | Các phẫu thuật hậu môn khác |  |  |  |  |
|  | **E. Gan – tụy – mật** |  |  |  |  |
|  | **1. Gan** |  |  |  |  |
|  | Thăm dò, sinh thiết gan  |  |  |  |  |
|  | Thắt động mạch gan (riêng, phải, trái) |  |  |  |  |
|  | Cầm máu nhu mô gan  |  |  |  |  |
|  | Chèn gạc nhu mô gan cầm máu |  |  |  |  |
|  | Cắt chỏm nang gan  |  |  |  |  |
|  | **2. Mật** |  |  |  |  |
|  | Mở thông túi mật |  |  |  |  |
|  | Cắt túi mật  |  |  |  |  |
|  | **3. Tụy** |  |  |  |  |
|  | Khâu vết thương tụy và dẫn lưu |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu nang tụy |  |  |  |  |
|  | Nối nang tụy với tá tràng |  |  |  |  |
|  | Nối nang tụy với dạ dày |  |  |  |  |
|  | Nối nang tụy với hỗng tràng |  |  |  |  |
|  | Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách |  |  |  |  |
|  | Cắt lách do chấn thương |  |  |  |  |
|  | Khâu vết thương lách |  |  |  |  |
|  | **G. Thành bụng, cơ hoành phúc mạc** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt u thành bụng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ |  |  |  |  |
|  | Khâu vết thương thành bụng |  |  |  |  |
|  | Các phẫu thuật thành bụng khác  |  |  |  |  |
|  | **H. Chấn thương – chỉnh hình** |  |  |  |  |
|  | **1. Vùng vai-xương đòn**  |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật KHX gãy xương đòn |  |  |  |  |
|  | **2. Vùng cẳng tay** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu |  |  |  |  |
|  | **3. Tổn thương phần mềm** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động  |  |  |  |  |
|  | **4. Vùng cổ tay-bàn tay** |  |  |  |  |
|  | Thương tích bàn tay giản đơn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay |  |  |  |  |
|  | **5. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác**  |  |  |  |  |
|  | Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương |  |  |  |  |
|  | **K. Các phẫu thuật khác** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng  |  |  |  |  |
|  | **M. Các kỹ thuật khác** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**3.1.3. Các kỹ thuật bác sỹ trẻ đã thực hiện theo chương trình đào tạo dự án 585**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất****(số ca/ngày/****tuần/tháng** | **Ghi chú** | **Mức độ tự tin****(+/-)** |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
| 1 | Mổ viêm ruột thừa. |  |  |  |  |
| 2 | Mổ biến chứng của viêm ruột thừa. |  |  |  |  |
| 3 | Khâulỗ thủngdạdày, tátràng, ruột non. |  |  |  |  |
| 4 | Cắt nối ruột non. |  |  |  |  |
| 5 | Mổ tắc ruột lần đầu. |  |  |  |  |
| 6 | Nối vị tràng. |  |  |  |  |
| 7 | Mở thông dạ dày. |  |  |  |  |
| 8 | Mở thông ruột non. |  |  |  |  |
| 9 | Cắt đoạn dạ dày. |  |  |  |  |
| 10 | Làm hậu môn nhân tạo. |  |  |  |  |
| 11 | Dẫn lưu túi mật. |  |  |  |  |
| 12 | Cắt túi mật (nội soi, mở bụng). |  |  |  |  |
| 13 | Mổ sỏi ống mật chủ lần đầu. |  |  |  |  |
| 14 | Cầm máu vết thương gan, khâu vết thương đơn giản. |  |  |  |  |
| 15 | Dẫn lưu áp xe dưới hoành, áp xe Douglas. |  |  |  |  |
| 16 | Cắt lách do chấn thương. |  |  |  |  |
| 17 | Mổ thoát vị bẹn, đùi, nước màng tinh hoàn. |  |  |  |  |
| 18 | Dẫn lưu bàng quang. |  |  |  |  |
| 19 | Mổ lấy sỏi bàng quang. |  |  |  |  |
| 20 | Dẫn lưu bể thận. |  |  |  |  |
| 21 | Mổ chấn thương thận. |  |  |  |  |
| 22 | Đỡ đẻ thường. |  |  |  |  |
| 23 | Kiểm soát tử cung. |  |  |  |  |
| 24 | Bóc rau nhân tạo. |  |  |  |  |
| 25 | Kiến tập làm và phụ Forceps. |  |  |  |  |
| 26 | Kiến tập làm và phụ Ventous. |  |  |  |  |
| 27 | Nạo - hút thai. |  |  |  |  |
| 28 | Mổ lấy thai. |  |  |  |  |
| 29 | Phụ mổ lấy thai |  |  |  |  |
| 30 | Phụ mổ cắt tử cung bán phần/hoàn toàn. |  |  |  |  |
| 31 | Phụ mổ u nang buồng trứng. |  |  |  |  |
| 32 | Phụ mổ chửa ngoài tử cung. |  |  |  |  |
| 33 | Mổ cắt tử cung bán phần/hoàn toàn. |  |  |  |  |
| 34 | Mổ u nang buồng trứng. |  |  |  |  |
| 35 | Mổ chửa ngoài tử cung. |  |  |  |  |
| 36 | Thực hành siêu âm sản phụ khoa cơ bản. |  |  |  |  |

**3.2. Các hoạt động khác**

- Số tài liệu được viết, soạn thảo để đào tạo, hướng dẫn cho đồng nghiệp tại đơn vị : ….

Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Số trang** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

- Số buổi tập huấn, hướng dẫn chia sẻ kinh nghiệm được bác sỹ trẻ thực hiện:…………….

Trong đó:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tập huấn** | **Số ngày** | **Số người tham dự** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

- Một số hoạt động khác (ngoài chuyên khoa mình phụ trách, có thực hiện hoạt động chuyên môn, Khám chữa bệnh chuyên khoa khác không)

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Bác sỹ trẻ tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động trên

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**4. Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với bác sỹ trẻ tình nguyện (có được hưởng nguyên lương và phụ cấp trong 02 năm đi học Dự án 585 hay không?)**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5. Thuân lợi, khó khăn khi công tác tại đơn vị**

**5.1. Thuận lợi**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5.2. Khó khăn**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**6. Đề xuất, kiến nghị**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người giám sát****(Ký tên)** |  **Bác sỹ trẻ tình nguyện** **(ký tên)** | **Lãnh đạo đơn vị****(Ký tên, đóng dấu)** |